

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

**UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON
HẠNH THÔNG TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gò Vấp, ngày 08 tháng 10 năm 2022

Số: 260/QĐ-MNHTT

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi quý 3 năm
2022 của Trường Mầm non Hạnh Thông Tây**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán thu chi quý 3 năm 2022 của Trường Mầm non Hạnh Thông Tây;
- Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Hạnh Thông Tây;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi quý 3 năm 2022 của Trường Mầm non Hạnh Thông Tây (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Mầm non Hạnh Thông Tây thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoàng Mai

Gò Vấp, ngày 08 tháng 10 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hạnh Thông Tây công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Học phí	898.200.000		0%	34%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp	0	0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
1.1	Học phí	359.280.000			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.269.628.490			
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.269.628.490			
1	Chi quản lý hành chính	7.010.884.340			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.010.884.340	2.221.481.713		
	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	150.000.000			
	- Mục 6000: Tiền lương	2.070.965.000	686.139.608	33%	
	+ Mục 6001: Tiền lương biên chế		541.227.608		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	417.020.000	144.912.000	35%	
	+ Mục 6051 Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		144.912.000		
	- Mục 6100 Phụ cấp lương	1.220.000.000	349.807.423	29%	
	+ Mục 6101 Phụ cấp chức vụ		9.834.000		
	+ Mục 6105 Phụ cấp thêm giờ		107.201.928		
	+ Mục 6112 Phụ cấp ưu đãi nghề		188.984.717		
	+ Mục 6113 Phụ cấp theo nghề, theo công việc		447.000		
	+ Mục 6115 Phụ cấp thâm niên nghề		43.339.778		
	6149 Khác				
	- Mục 6300 Các khoản đóng góp	920.900.000	173.738.651	19%	
	+ Mục 6301 Bảo hiểm xã hội		129.379.842		
	+ Mục 6302 Bảo hiểm y tế		22.179.405		
	+ Mục 6303 Kinh phí công đoàn		14.786.268		
	+ Mục 6304 Bảo hiểm thất nghiệp		7.393.136		
	- Mục 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.817.000.000	821.405.540	45%	
	+ Mục 6449 Trợ cấp, phụ cấp khác		821.405.540		
	- Mục 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	35.000.000	0		
	+ Mục 6501 Chi thanh toán tiền điện				
	+ Mục 6502 Chi thanh toán tiền nước				
	- Mục 6550 Vật tư văn phòng	30.000.000	2.830.000		
	+ Mục 6551 văn phòng phẩm				
	+ Mục 6552 Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng				
	+ Mục 6599 Vật tư văn phòng khác		2.830.000		
	- Mục 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	27.000.000	52.891		
	+ Mục 6601 Cước phí điện thoại trong nước		52.891		
	6617 Cước phí Internet, phương tiện điện tử				
	- Mục 6650 Hội nghị		2.019.600		
	- Mục 6700 Công tác phí	30.000.000	7.500.000	25%	25%
	+ Mục 6704 Khoản công tác phí		7.500.000		
	- Mục 6750 Chi phí thuê mướn		15.900.000		
	+ Mục 6758 Thuê đào tạo lại cán bộ				
	+ Mục 6799 Chi phí thuê mướn khác		15.900.000		
	- Mục 6900 Sửa chữa tài sản phvụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX	100.000.000	13.990.000	14%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Mục 6905 Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng				
	+ Mục 6907 Nhà cửa				
	+ Mục 6912 Các thiết bị công nghệ thông tin		13.990.000		
	+ Mục 6921 Đường điện, cấp thoát nước				
	+ Mục 6949 Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		0		
	- Mục 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	450.000.000	3.186.000	1%	
	+ Mục 7004 Đồng phục, trang phục				
	7006 Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành				
1.2	+ Mục 7001 Chi mua hàng hóa, vật tư		3.186.000		
2	+ Mục 7049 Chi phí khác				
2.1	- Mục 7750 Chi phí khác	20.000.000			
	- Mục 7757 Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện				
	- Mục 7950 Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	850.000.000			
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học				
2.3	công nghệ				
3	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
3.1	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
3.2	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				



Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

TRƯỞNG

MÃM NON

HÀNH THÔNG TÝ

NGUYỄN THỊ HOÀNG MAI

Nguyễn Thị Hoàng Mai